

Số: 2151 /TB-SGD&ĐT

Hoà Bình, ngày 24 tháng 10 năm 2012

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức khối trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 1096/SNV-QLCC ngày 09 tháng 7 năm 2012 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc cơ cấu chuyên môn thực hiện kế hoạch biên chế được giao của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1519/QĐ-SGD&ĐT ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức và Biên bản làm việc ngày 21 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng kiểm tra sát hạch viên chức;

Hội đồng xét tuyển dụng viên chức năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn đến toàn thể các thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch biết (có danh sách kèm theo)./. *H*

Nơi nhận:

- Đài PT&TH tỉnh HB;
- Các Đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

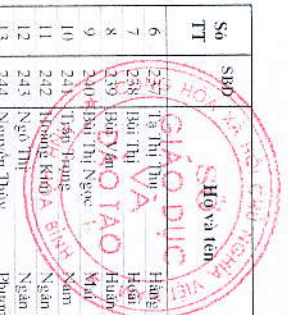
Nguyễn Minh Thành

STT		Số SBĐ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc quán	Hộ khẩu		Điền ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TRTN	Ngành Đăng ký	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
								Xã	huyện												
53	54	Bùi Thị Ngọc	10/12/1988	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,00	9,00	Lịch Sử	50,50	170,00	Bà thi	
55	56	Bùi Thị Ngọc	10/02/1990	Nữ	Mường	Ngọc Mỹ, Đà Bắc, HB	Ngọc Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	7,97	8,67	Lịch Sử	50,50	267,40		
6	57	Bùi Thị Ngọc	26/04/1990	Nữ	Mường	Trần Sơn, Đà Bắc, HB	Trần Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,25	8,67	Lịch Sử	59,00	287,20		
7	58	Bùi Thị Ngọc	01/02/1987	Nữ	Mường	Đài Sơn, Kim Bôi, HB	Đài Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	6,69	6,69	Lịch Sử	45,00	223,80	Tin chỉ	
8	59	Bùi Thị Ngọc	11/05/1990	Nữ	Mường	Yên Tr. Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Tr.	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,58	8,45	Lịch Sử	51,00	262,30	Khoá luận	
9	60	Bùi Thị Ngọc	20/12/1988	Nữ	Mường	Đông Sơn, Nam Tân, Nam Định	Đông Sơn	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,65	8,85	Lịch Sử	47,00	239,00	Khoá luận	
10	61	Bùi Thị Ngọc	21/03/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHITN	Giỏi	7,48	7,48	Lịch Sử	60,00	269,60	Tin chỉ	
11	62	Bùi Thị Ngọc	01/01/1989	Nữ	Mường	Bao Hiệu, Yên Thủy, HB	Bao Hiệu	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHITN	Giỏi	7,82	9,00	Lịch Sử	50,50	168,20	Bà thi	
12	63	Bùi Thị Ngọc	07/05/1986	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,21	8,50	Lịch Sử	50,50	258,10	Bà thi	
13	64	Bùi Thị Ngọc	29/12/1986	Nữ	Mường	Hiền Khánh, Yên Bái, Nam Định	Hiền Khánh	Yên Bái	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	6,79	7,67	Lịch Sử	50,50	179,30	Bà thi	
14	65	Bùi Thị Ngọc	28/05/1989	Nữ	Mường	Vinh Tiên, Kim Bôi, HB	Vinh Tiên	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,93	10,00	Lịch Sử	47,00	166,60	Bà thi	
15	66	Bùi Thị Ngọc	17/02/1986	Nữ	Mường	Yên Tr. Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Tr.	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHITN	Giỏi	7,55	9,00	Lịch Sử	47,00	227,50		
16	67	Bùi Thị Ngọc	09/07/1987	Nữ	Mường	Quỳ Mỹ, Tân Lạc, HB	Quỳ Mỹ	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHITN	Giỏi	7,66	7,66	Lịch Sử	58,00	269,20		
17	68	Bùi Thị Ngọc	05/09/1987	Nữ	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, HB	Tu Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,63	7,33	Lịch Sử	64,00	266,60		
18	69	Bùi Thị Ngọc	10/12/1987	Nữ	Mường	Lên Vả, Lạc Sơn, HB	Lên Vả	Lạc Sơn	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-DHITN	Giỏi	8,22	8,50	Lịch Sử	57,50	307,20	Khoá luận	
19	70	Bùi Thị Ngọc	19/09/1988	Nữ	Mường	Đài Sơn, Thanh Th. Hà Nội	Đài Sơn	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,22	8,50	Lịch Sử	70,00	168,00	Bà thi	
20	71	Bùi Thị Ngọc	15/04/1987	Nữ	Mường	Tiền Xuân, Lạc Sơn, HB	Tiền Xuân	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,85	8,95	Lịch Sử	65,00	280,10		
21	72	Bùi Thị Ngọc	14/05/1989	Nữ	Mường	Bình Giang, Thanh Oai, Hà Nội	Bình Giang	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	6,74	6,67	Lịch Sử	68,00	264,10	Bà thi	
22	73	Bùi Thị Ngọc	29/11/1984	Nữ	Mường	Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình	Thượng Hòa	Yên Thủy	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	8,35	8,67	Lịch Sử	86,00	306,20		
23	74	Bùi Thị Ngọc	15/07/1989	Nữ	Mường	Nam Thượng, Kim Bôi	Nam Thượng	Kim Bôi	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,36	8,67	Lịch Sử	86,00	332,30		
24	75	Bùi Thị Ngọc	20/11/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,06	8,67	Lịch Sử	49,00	352,30	Khoá luận	
25	76	Bùi Thị Ngọc	05/05/1988	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	8,24	9,00	Lịch Sử	90,00	352,30	Khoá luận	
26	77	Bùi Thị Ngọc	13/02/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	60,00	350,10	Khoá luận	
27	78	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
28	79	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
29	80	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
30	81	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
31	82	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
32	83	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
33	84	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
34	85	Bùi Thị Ngọc	28/07/1989	Nữ	Mường	Phong Phú, Tân Lạc, HB	Phong Phú	Tân Lạc	DT	DH	SP Lịch Sử	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,55	9,00	Lịch Sử	88,00	350,10	Khoá luận	
Món Bữa Lẻ																					
1	114	Hà Quang	31/10/1985	Nam	Tây	Tu Lý, Đà Bắc, HB	Tu Lý	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,06	8,00	Địa Lý	59,00	150,60	Bà thi	
2	115	Nguyễn Thị Ngọc	20/07/1989	Nữ	Mường	Lạc Sơn, Kim Bôi, HB	Lạc Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,81	8,33	Địa Lý	52,50	279,40		
3	116	Trần Thị Ngọc	16/11/1988	Nữ	Mường	Yên Giang, Yên Bái, Nam Định	Yên Giang	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,60	8,00	Địa Lý	52,50	254,60		
4	117	Trần Thị Ngọc	08/10/1988	Nữ	Mường	Yên Giang, Yên Bái, Nam Định	Yên Giang	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,67	7,67	Địa Lý	58,00	261,00		
5	118	Bùi Thị Ngọc	24/10/1988	Nữ	Mường	Yên Giang, Yên Bái, Nam Định	Yên Giang	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,67	7,67	Địa Lý	58,00	272,40		
6	119	Quách Thị Ngọc	04/11/1987	Nữ	Mường	Đông Môn, Lạc Sơn, HB	Đông Môn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	7,53	8,33	Địa Lý	50,00	256,60	Khoá luận	
7	120	Phạm Thị Ngọc	22/08/1990	Nam	Mường	Lên Vả, Lạc Sơn, HB	Lên Vả	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Giỏi	8,25	9,00	Địa Lý	87,50	347,50		
8	121	Đinh Thị Ngọc	28/09/1989	Nữ	Mường	Hợp Thành, Kỳ Sơn, HB	Hợp Thành	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,67	7,67	Địa Lý	87,50	347,50		
9	122	Trần Thị Ngọc	07/03/1989	Nữ	Mường	Bình Sơn, Kim Bôi, HB	Bình Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội	Khá	7,12	6,50	Địa Lý	50,00	136,20	Bà thi	
10	123	Trần Thị Ngọc	07/07/1988	Nam	Mường	Chợ Thôn, Lạc Sơn, HB	Chợ Thôn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	7,83	7,83	Địa Lý	50,00	156,60	Bà thi	
11	124	Lê Thị Ngọc	11/09/1990	Nữ	Mường	Đài Sơn, Lạc Sơn, HB	Đài Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,03	7,17	Địa Lý	68,00	142,00	Bà thi	
12	125	Hà Thị Ngọc	07/05/1987	Nữ	Mường	Đài Sơn, Lạc Sơn, HB	Đài Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,47	8,00	Địa Lý	68,00	154,70	Bà thi	
13	126	Vũ Thị Ngọc	22/05/1985	Nữ	Mường	Đài Sơn, Lạc Sơn, HB	Đài Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,47	8,00	Địa Lý	68,00	154,70	Bà thi	
14	127	Hà Thị Ngọc	24/08/1987	Nữ	Mường	Đài Sơn, Lạc Sơn, HB	Đài Sơn	Đà Bắc	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-Hà Nội	Giỏi	7,47	8,00	Địa Lý	68,00	154,70	Bà thi	
15	128	Nguyễn Trung	17/09/1989	Nam	Mường	Ngọc Lũy, Yên Thủy, HB	Ngọc Lũy	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	6,93	6,93	Địa Lý	96,00	326,30		
16	129	Nguyễn Thị Ngọc	01/07/1986	Nữ	Mường	Trương Yên, Hòa Lai, Ninh Bình	Trương Yên	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,85	8,33	Địa Lý	65,00	291,80		
17	130	Bùi Thị Ngọc	01/04/1989	Nam	Mường	Tu Sơn, Kim Bôi, HB	Tu Sơn	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khá	6,81	6,33	Địa Lý	60,00	251,40		
18	131	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1987	Nữ	Mường	Lạc Sơn, Hải Hưng	Lạc Sơn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	7,00	7,00	Địa Lý	65,00	266,00		
19	132	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1987	Nữ	Mường	Lạc Sơn, Hải Hưng	Lạc Sơn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	7,00	7,00	Địa Lý	65,00	266,00		
20	133	Nguyễn Thị Ngọc	23/07/1989	Nữ	Mường	Lạc Sơn, Hải Hưng	Lạc Sơn	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHITN	Khá	7,00	7,00	Địa Lý	65,00	266,00		
21	134	Bùi Thị Ngọc	10/0																		



Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Tương đương đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đào tạo	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Chỉ chú
37	141	Bùi Văn Vã	18/01/1988	Nam	Mường	Lạc Sơn, Yên Thủy, HB	Lạc Sơn	Yên Thủy	Cm TB+DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,42	7,00	Địa Lý	95,00	144,20	Bs th
38	142	Bùi Thị Thu	22/08/1988	Nữ	Mường	Sơn Thủy, Kim Bôi, HB	Sơn Thủy	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,60	8,33	Địa Lý	95,00	349,30	
39	143	Trần Văn Tuấn	07/03/1989	Nam	Kinh	Yên Trị, Yên Thủy, HB	Yên Trị	Yên Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,86	8,00	Địa Lý	38,00	254,60	
40	144	Bùi Thị Cẩm Trúc	28/03/1988	Nữ	Mường	Có Nheia, Lạc Thủy, HB	Có Nheia	Lạc Thủy	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,75	9,00	Địa Lý	90,00	347,50	
41	145	Trần Văn Tuấn	01/07/1985	Nam	Kinh	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Thanh Hà	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội	Khoa	6,58	6,50	Địa Lý	26,00	182,80	
42	146	Nam Thị Tuyền	26/05/1988	Nữ	Kinh	Thị Tân Bô, Kim Bôi, HB	Thị Tân Bô	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	6,98	7,00	Địa Lý	47,00	233,80	
43	147	Bùi Thị Cẩm Vân	17/10/1989	Nữ	Mường	Liên Vũ, Lạc Sơn, HB	Liên Vũ	Lạc Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,08	7,08	Địa Lý	72,00	285,60	Trn chi
44	148	Nguyễn Thị Vân	18/06/1987	Nữ	Kinh	Vinh Tân, Kim Bôi, HB	Vinh Tân	Kim Bôi	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP Hà Nội	Khoa	6,71	7,50	Địa Lý	45,00	232,10	
45	149	Lê Thị Hoàng Yến	26/10/1987	Nữ	Mường	Hùng Châu, Hòa Yên, Nghệ An	Lương Sơn	Lương Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	6,77	6,77	Địa Lý	45,00	225,40	Trn chi
46	150	Nguyễn Thị Hải Yến	27/08/1987	Nữ	Mường	Dan Hà, Kỳ Sơn, HB	Dan Hà	Kỳ Sơn	DT	DH	SP Địa Lý	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,57	8,00	Địa Lý	45,00	155,70	Bs th
IV Môn Tiếng Anh																				
1	95	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/07/1988	Nữ	Kinh	Kim Bôi, HB	Hợp Kim	Kim Bôi		DH	SP Tiếng Anh	CQ	Vien DH Mỏ HN	Giao	8,22	8,75	Tiếng Anh	95,00	359,70	
2	96	Nguyễn Thị Thu Phuong	10/01/1988	Nữ	Kinh	Nam Truc, Nam Định	Phuoc Lam	TP Hoa Binh		DH	SP Tiếng Anh	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,51	7,67	Tiếng Anh	84,00	319,80	
V Giao dục công dân																				
1	86	Đinh Thị Diệu	17/01/1985	Nữ	Mường	Yên Quang, Lương Sơn, HB	Yên Quang	TP Hòa Bình		DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	7,28	9,00	GD&CD	42,00	246,80	
2	87	Xa Thị Phước	15/05/1985	Nữ	Mường	Hiếu Lương, Đà Bắc, HB	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DT	DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	7,79	9,90	GD&CD	95,00	366,90	Khoá luận
3	88	Bùi Bích Thảo	30/10/1987	Nữ	Mường	Phước Phú, Tân Lạc, HB	Quỳ Hải	Tân Lạc	DT	DH	SP GD&CD	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	6,82	7,12	GD&CD	95,00	353,20	
4	89	Hoàng Thị Hồng Vân	18/10/1988	Nữ	Mường	Lam Sơn, Lương Sơn, HB	Lam Sơn	Lương Sơn	DT	DH	SP GD&CD	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,12	7,12	GD&CD		142,40	Bs th
VI Môn Toán																				
1	97	Bùi Thanh Dũng	29/01/1989	Nữ	Mường	Yên Trị, Yên Thủy, HB	Yên Trị	Yên Thủy	DT	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	6,80	8,00	Toán	60,00	268,00	
2	98	Nguyễn Thủy Dung	14/09/1989	Nữ	Kinh	Phù Cầu, ứng Hòa, Hà Nội	Đông Tiến	TP Hòa Bình		DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	6,20	6,50	Toán	41,00	209,00	
3	99	Nguyễn Thiên Duy	27/09/1989	Nam	Mường	Thái Bình, TP Hòa Bình, HB	Thái Bình	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	6,52	6,67	Toán	43,00	217,90	
4	100	Bùi Thị Thu Hiền	04/10/1989	Nữ	Kinh	Khoảnh Trung, Kim Sơn, Ninh Bình	An Nghĩa	Lạc Sơn	DT	DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	7,19	7,00	Toán	98,00	337,90	
5	101	Vũ Thị Liên	30/07/1990	Nữ	Kinh	An Lạc, Lạc Thủy, HB	An Lạc	Lạc Thủy	DT	DH	SP Toán	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	8,04	9,00	Toán	90,00	350,40	
6	102	Hà Văn Loan	14/04/1988	Nam	Tây	Tân Phúc, Đà Bắc, HB	Tân Phúc	Đà Bắc	DT	DH	SP Toán Trn	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	6,63	6,63	Toán	35,00	202,60	Trn Chi
7	103	Bùi Thị Thu	12/08/1988	Nữ	Mường	Ngọc Lân, Lạc Sơn, HB	Ngọc Lân	Lạc Sơn	DT	DH	SP Toán Trn	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,33	7,67	Toán	42,00	234,00	
8	104	Trần Minh Toàn	12/11/1989	Nam	Mường	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Có Nheia	Lạc Thủy	DT	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	6,64	6,75	Toán	93,00	319,90	
VII Môn Sinh học																				
1	90	Nguyễn Thị Thu Hà	03/07/1989	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bản, Nam Định	Mường Khên	Tân Lạc		DH	CN Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khoa	6,28	6,25	Sinh học	43,00	211,30	
2	91	Đương Văn Hồng	27/11/1989	Nữ	Kinh	Kim Chính, Kim Sơn, Ninh Bình	Từ Nê	Tân Lạc		DH	SP Sinh-Hóa	CQ	DH Tây Bắc	Khoa	8,21	9,00	Sinh học	96,00	364,10	
3	92	Đinh Thị Mai Linh	04/11/1990	Nữ	Mường	Xà Hòa Bình, TP Hòa Bình, HB	Đông Lai	TP Hòa Bình	DT	DH	SP Sinh	CQ	DHGD-DHQGHN	Khoa	7,18	7,18	Sinh học	50,00	243,60	Trn chi
4	93	Bùi Đức Mậu	16/01/1988	Nam	Mường	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	Đông Lai	Tân Lạc	DT	DH	Sư phạm Sinh	CQ	DHSP Hà Nội	Khoa	7,12	6,67	Sinh học	90,00	317,90	
5	94	Nguyễn Thị Nhung	18/09/1987	Nữ	Kinh	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội	Khoa	6,75	6,33	Sinh học	55,00	240,80	
VIII Công nghệ																				
1	85	Bùi Văn Kỳ	05/09/1984	Nam	Kinh	Quảng Xương, Thanh Hóa	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Kỹ thuật	TC	DHSP Hà Nội	Khoa	7,16	7,50	Công nghệ	58,00	262,60	
IX Môn Âm nhạc																				
1	160	Đặng Thị Thủy Dung	04/11/1985	Nữ	Kinh	Hòa Lạc, ứng Hòa, Hà Nội	Phước Lâm	TP Hòa Bình		DH	SP Âm nhạc	TC	DHSP Hà Nội	Khoa	7,75	8,50	Âm nhạc	97,50	357,50	
2	161	Nguyễn Thủy Dương	06/11/1986	Nam	Kinh	Yên Bông, Lạc Thủy, HB	Yên Bông	Lạc Thủy	Cm TB	DH	SP Âm nhạc	CQ	DHSP Nghệ Thuật TW	Khoa	6,48	6,80	Âm nhạc	60,00	252,80	
3	162	Bùi Văn Đào	09/09/1990	Nam	Mường	Đỗ Sơn, Kim Bôi, HB	Đỗ Sơn	Kim Bôi	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CDSP Hà Bình	Khoa	6,96	8,67	Âm nhạc	156,30	Bs th	
4	163	Nguyễn Thị Hiền	10/08/1986	Nữ	Kinh	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	Mỹ Hòa	Kim Bôi	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CDSP Hà Tây	Khoa	6,97	7,67	Âm nhạc	57,00	260,40	
5	164	Bùi Thị Huệ	15/12/1987	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, HB	Kim Bôi	Kim Bôi	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	6,91	8,67	Âm nhạc	155,80	Bs th	
6	165	Đỗ Quang Huy	14/12/1986	Nam	Kinh	Yên Lạc, Yên Nam Định	TT Đà Bắc	Đà Bắc		CD	SP Âm nhạc	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	7,89	8,67	Âm nhạc	288,60		
7	166	Nguyễn Thị Thủy Linh	08/04/1990	Nữ	Kinh	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Tây	Tân Thịnh	TP Hòa Bình		CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	7,00	8,83	Âm nhạc	158,30	Bs th	
8	167	Quách Thị Phương	07/06/1987	Nữ	Mường	Đông Rừng, Đà Bắc, HB	Đông Rừng	Đà Bắc	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	7,37	8,33	Âm nhạc	67,00	291,00	
9	168	Nguyễn Thái Sơn	27/09/1989	Nam	Kinh	Xuân Trầm, Nam Định	TT Mai Châu	Mai Châu		CD	SP Âm nhạc	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	7,27	8,33	Âm nhạc	79,00	314,00	
10	169	Trần Thị Sơn	18/01/1991	Nữ	Kinh	Tiền Đông, Bình Lạc, Hà Nam	Tân Phong	Cao Phong		CD	SP Âm nhạc	CQ	CD NT Hà Nội	Giao	8,00	8,33	Âm nhạc	97,00	357,30	
11	170	Bùi Văn Tùng	18/04/1984	Nam	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, HB	Tân Lập	Lạc Sơn	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	6,28	7,33	Âm nhạc	214,10		
12	171	Nguyễn Hoàng Thảo	25/11/1986	Nữ	Kinh	Gia Phúc, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	7,48	8,67	Âm nhạc	353,50		
13	172	Bùi Đức Thái	21/11/1990	Nam	Mường	Đã Sơn, Kim Bôi, HB	Đã Sơn	Kim Bôi	DT	CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	6,79	7,13	Âm nhạc	96,00		
14	173	Nguyễn Thị Hiền Thu	23/02/1991	Nữ	Kinh	Khoan Đà, Lạc Thủy, HB	Khoan Đà	Lạc Thủy		CD	SP Âm nhạc	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	7,85	7,67	Âm nhạc	139,20	Bs th	
15	174	Nguyễn Thanh Tuấn	09/10/1989	Nam	Mường	Diêm Ngọc, Diêm Châu, Nghệ An	Quỳ Hải	Tân Lạc		DT	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	5,92	6,00	Âm nhạc	98,00	155,20	Bs th
16	175	Vũ Văn Tuấn	13/12/1987	Nam	Kinh	Phù Thành, Lạc Thủy, HB	Phù Thành	Lạc Thủy		CD	SP Âm nhạc	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	7,35	8,00	Âm nhạc	85,00	323,50	
X Môn Mỹ Thuật																				
1	151	Đinh Văn Bình	23/12/1986	Nam	Kinh	Hòa Nam, ứng Hòa, Hà Nội	Thống Nhất	TP Hòa Bình		DH	SP Mỹ Thuật	CQ	DHSP Nghệ Thuật TW	Giao	8,05	9,70	Mỹ Thuật	94,00	365,50	
2	152	Bùi Văn Đức	14/02/1985	Nam	Mường	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Phù Lạc	Lạc Thủy	DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CD NT Hà Nội	Khoa	6,90	7,17	Mỹ Thuật	70,00	280,70	
3	153	Vũ Văn Đình	17/01/1986	Nam	Thái	Mai Hích, Mai Châu, HB	Mai Hích	Mai Châu	DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	7,63	8,83	Mỹ Thuật	73,00	310,60	
4	154	Lê Thanh Huyền	25/09/1988	Nữ	Kinh	Phù Lạc, Lạc Thủy, HB	Có Nheia	Lạc Thủy	DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CD NT Hà Nội	Khoa	7,70	8,67	Mỹ Thuật	68,00	299,70	
5	155	Bùi Thị Lương	18/02/1988	Nữ	Mường	An Bình, Lạc Thủy, HB	Phù Lạc	Lạc Thủy	DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	6,32	7,17	Mỹ Thuật	94,00	322,90	
6	156	Bùi Văn Minh	12/09/1988	Nam	Mường	Lạc Hồng, Yên Thủy, HB	Lạc Hồng	Yên Thủy	Cm TB+DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	6,84	6,33	Mỹ Thuật	82,00	295,70	
7	157	Nguyễn Thị Thái	26/11/1990	Nữ	Kinh	Nà Mèo, Mai Châu, HB	Nà Mèo	Mai Châu	DT	CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	6,68	8,17	Mỹ Thuật	60,00	268,50	
8	158	Trần Thị Thương	17/08/1989	Nữ	Kinh	Hùng Nam, Đông Sơn, Thanh Hóa	TT Hạng Trầm	Yên Châu		CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CD VHTT Tây Bắc	Khoa	6,75	7,00	Mỹ Thuật	95,00	327,50	
9	159	Đỗ Công Vũ	01/01/1986	Nam	Kinh	Cm Minh, Ba Vì, Hà Nội	Tu Lý	Đà Bắc		CD	SP Mỹ Thuật	CQ	CDSP Hòa Bình	Khoa	6,79	7,00	Mỹ Thuật	95,00	327,90	
IX THI SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỰNG KHỎI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG																				
I Môn Toán																				
1	176	Đặng Thị Ngọc Anh	17/03/1989	Nữ	Kinh	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	Hà Bì	Kim Bôi		DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,67	9,00	Toán	62,00	290,70	

 Hồ và tên 																				
STT	SBD	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Họ Khẩu	Diện tích đất đai	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Mã đào tạo	Tên trường đào tạo	Tốt nghiệp THPT	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành đào tạo	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú		
2	177	Vũ Đức Anh	Nam	Kinh	Từ Sơn, Khảo Chá, Hưng Yên	Cổ Nghĩa	Lạc Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,06	8,33	Toán	68,00	289,93			
3	178	Vũ Trọng Anh	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Cao Phong	Cao Phong	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,57	10,00	Toán	95,00	365,70	Khoá luận		
4	179	Lê Thanh Bình	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Phu Lão	Lạc Thủy	DH	SP Toán - Lý	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	8,25	8,00	Toán	96,00	354,50			
5	180	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	Mường	Yên Mông, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Yên Mông	Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,17	8,00	Toán	50,00	251,70			
6	181	Bình Thành	Nam	Kinh	Liên Vả, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vả	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	5,84	6,33	Toán	50,00	221,73			
7	182	Nguyễn Thị Dung	Nữ	Mường	TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thịnh Lang	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	5,94	5,00	Toán	62,00	233,40			
8	183	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	Khánh Dương, Yên Mô, Ninh Bình	Lạc Thịnh	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,27	7,27	Toán	70,00	285,40	Tin chỉ		
9	184	Trần Thị Thùy Diệp	Nữ	Kinh	Sơn Thịnh, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Thanh Hà	Lạc Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,96	9,00	Toán	65,00	299,60	Khoá luận		
10	185	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	Kinh	Cao Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TT Kỳ Sơn	Kỳ Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,27	6,75	Toán	65,00	260,20			
11	186	Bà Văn Đà	Nam	Mường	Quỳ Hoa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Quỳ Hoa	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,24	7,33	Toán	86,00	317,73			
12	187	Nguyễn Thị Hà	Nữ	Kinh	Hương Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Lương Sơn	Lương Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,68	9,00	Toán	30,00	189,20	Tin chỉ		
13	188	Bà Xuân Hải	Nam	Kinh	Thịnh Lạc, Thanh Trì, Hà Nội	Hữu Nghị	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	8,25	8,25	Toán	62,00	273,00	Khoá luận		
14	189	Tạ Minh Hằng	Nữ	Kinh	Lạc Long, Lạc Thủy, Hòa Bình	Lạc Long	Lạc Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	Khoa	7,68	9,00	Toán	95,00	356,80	Khoá luận		
15	190	Bà Thị Hiền	Nữ	Mường	Án Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình	Án Bình	Lạc Thủy	DH	SP Toán - Tin	CQ	DHSP-DHTN	Giới	8,25	9,50	Toán	65,00	307,50	Khoá luận		
16	191	Bà Thị Hiền	Nữ	Mường	Đa Phúc, Yên Thủy, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,06	8,00	Toán	68,00	286,60			
17	192	Bà Văn Hữu	Nam	Mường	Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Mỹ	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,26	8,67	Toán	52,00	263,27			
18	193	Bà Thị Hòa	Nữ	Mường	Vĩnh Tân, Kim Bôi, Hòa Bình	Vĩnh Tân	Kim Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,22	7,67	Toán	70,00	288,87			
19	194	Bà Văn Huệ	Nam	Mường	Hợp Đồng, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Đồng	Kim Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,00	7,33	Toán	85,00	313,33			
20	195	Đặng Thị Huệ	Nữ	Kinh	Yên Trị, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trị	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,69	10,00	Toán	68,00	312,90	Khoá luận		
21	196	Lê Quang Huy	Nam	Kinh	Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Bô	Kim Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	5,60	6,50	Toán	68,00	257,00			
22	197	Bà Văn Hương	Nam	Mường	Mông Hô, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Tân Mỹ	Kỳ Sơn	DH	SP Toán - Lý	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,23	6,67	Toán	45,00	228,97			
23	198	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Mường	Cẩm Thủy, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Mông Hòa	Kỳ Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,67	7,33	Toán	70,00	278,93			
24	199	Nguyễn Thị Hương	Nữ	Kinh	Cao Văn, Lạc Thủy, Quảng Bình	Lạc Long	Lạc Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,67	7,67	Toán	85,00	323,40	Tin chỉ		
25	200	Hương Trung Kiên	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Vũ Bân	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,53	7,00	Toán	60,00	255,30			
26	201	Hà Văn Lành	Nam	Kinh	Phước Yên, Hà Hòa, Phú Thọ	Tân Thịnh	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,51	5,50	Toán	82,00	284,10			
27	202	Trần Hà Lành	Nữ	Kinh	Liên Mạc, Mộc Lanh, Vĩnh Phúc	TT Mường Khén	Tân Lạc	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	T.Binh	7,77	7,33	Toán	75,00	301,03			
28	203	Nguyễn Thị Ngọc Ly	Nữ	Kinh	Tx Bắc Bình, Bắc Ninh	Phước Lâm	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,13	6,00	Toán	57,00	121,30	Ba chỉ		
29	204	Đạt Thị Thanh Mai	Nữ	Kinh	Gia Trang, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Cao Phong	Cao Phong	DH	SP Toán - Tin	CQ	DHSP-DH Đà Nẵng	Khoa	6,70	6,70	Toán	57,00	248,00	Tin chỉ		
30	205	Bình Thị Hồng Mân	Nữ	Mường	Yên Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bình	Lạc Thủy	DH	CN Toán	CQ	DHSP-Hải Phòng	T.Binh	6,76	7,33	Toán	92,00	324,93			
31	206	Nguyễn Thị Mân	Nữ	Kinh	Liên Mạc, Thanh Liêm, Hà Nam	TT Cao Phong	Cao Phong	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,54	8,33	Toán	83,00	324,73	Khoá luận		
32	207	Vũ Thị Nga	Nữ	Kinh	Hà Bô, Kim Bôi, Hòa Bình	Hà Bô	Kim Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,75	8,50	Toán	67,00	296,50			
33	208	Bà Thị Ngân	Nữ	Mường	Vũ Lân, Lạc Sơn, Hòa Bình	Vũ Lân	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	7,49	7,33	Toán	46,50	241,23			
34	209	Vũ Thị Ngân	Nữ	Kinh	Ấn Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ấn Nghĩa	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,06	7,06	Toán	30,00	141,20	Ba chỉ		
35	210	Bà Thị Nhân	Nữ	Mường	Thương Hiền, Kiên Xương, Thái Bình	Tân Hòa	TP Hòa Bình	DH	SP Toán - Lý	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khoa	7,02	7,00	Toán	78,00	333,90	Khoá luận		
36	211	Phạm Thị Nhân	Nữ	Kinh	Hương Linh, Hùng Nguyên, Nghệ An	Pha Lương	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,22	9,00	Toán	62,00	263,70			
37	212	Hoàng Thị Nhung	Nữ	Kinh	Phước Yên, Hùng Văn, Hòa Bình	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	T.Binh	6,28	5,67	Toán	48,00	258,20			
38	213	Trần Thị Hoàng Nhung	Nữ	Kinh	Ba Vì, Hà Nội	Pha Thành	Lạc Thủy	DH	CN Toán-Tin	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	5,67	5,00	Toán	49,00	217,47			
39	214	Phạm Thị Quan	Nữ	Kinh	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	Đông Tiến	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,20	7,25	Toán	65,00	166,70	Ba chỉ		
40	215	Bà Trần Quan	Nam	Kinh	Thanh Minh, Phú Thọ	Đông Yên	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,77	6,77	Toán	61,00	135,40	Ba chỉ		
41	216	Nguyễn Ngọc Sang	Nam	Kinh	Yên Bàng, Lạc Thủy, Hòa Bình	Yên Bàng	Lương Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,15	6,50	Toán	34,50	194,80	Tin chỉ		
42	217	Đặng Đức Thìn	Nam	Kinh	Đai Hùng, đống Hòa, Hà Nội	Từ Ng	Tân Lạc	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,29	6,29	Toán	55,00	228,67			
43	218	Lê Thị Lệ Thủy	Nữ	Mường	Kim Thái, Vũ Bản, Nam Định	TT Lương Sơn	Lương Sơn	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,20	5,67	Toán	78,00	319,27			
44	219	Nguyễn Phương Thủy	Nữ	Kinh	Từ Ng, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,66	8,67	Toán	91,00	326,50	Khoá luận		
45	220	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	Kinh	Cổ Nghĩa, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Hương Tràm	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-Tây Bắc	T.Binh	6,90	7,75	Toán	37,00	193,07			
46	221	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	Mường	Ngọc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình	Vũ Bản	Lạc Sơn	DH	SP Toán - Lý	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,06	5,33	Toán	59,00	231,93			
47	222	Bà Hà Thu Thủy	Nữ	Kinh	Đông Lâm, Đông Hưng, Thái Bình	Đông Tiến	TP Hòa Bình	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,05	5,83	Toán	98,00	314,83			
48	223	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	Mường	Yên Đức, Hà Nội	TT Hương Tràm	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội	Khoa	7,62	8,00	Toán	81,00	314,20			
49	224	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	Kinh	Yên Thủy, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	7,11	9,25	Toán	63,00	289,60			
50	225	Nguyễn Thị Tuấn	Nữ	Kinh	Đa Phúc, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,27	6,40	Toán	50,00	226,70			
51	226	Nguyễn Thị Tuấn	Nữ	Mường	Từ Ng, Đà Bắc, Hòa Bình	TT Hương Tràm	Yên Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,72	8,50	Toán	80,00	312,20	Khoá luận		
52	227	Đinh Thị Mỹ Vân	Nữ	Kinh	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	TT Hương Tràm	Yên Bôi	DH	SP Toán	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,53	6,53	Toán	85,00	300,60	Tin chỉ		
53	228	Bà Thị Vân	Nữ	Mường	Đông Hương, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi	DH												
54	229	Hà Thị Thanh Vân	Nữ	Mường	Yên Mỹ, y Yên, Nam Định	Bảo Hieu	Yên Thủy	DH	SP Vải lý	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,48	6,48	Vải lý	35,00	199,60	Tin chỉ		
55	230	Đà Thị Thanh Yên	Nữ	Mường	Liên Vả, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vả	Lạc Sơn	DH	SP Vải lý	CQ	DHSP-Tây Bắc	Khoa	7,00	7,00	Vải lý	73,00	286,00			
56	231	Quách Thị Yên	Nữ	Mường	Gia Chung, Gia Viễn, Ninh Bình	Cao Thăng	Lương Sơn	DH	SP Vải lý - Hoa	CQ	DHSP Hà Nội 2	T.Binh	6,22	6,33	Vải lý	40,00	205,53			
I	232	Bà Thị Chinh	Nữ	Kinh	Hà Phi, Ứng Hòa, Hà Nội	Cao Thăng	Lương Sơn	DH	Contra+DT	DH										
2	233	Bà Mạnh Lương	Nam	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DH	SP Vải lý	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,48	6,48	Vải lý	35,00	199,60	Tin chỉ		
3	234	Nguyễn Thị Hà	Nữ	Kinh	Gia Chung, Gia Viễn, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi	DH	SP Vải lý	CQ	DHSP Hà Nội 2	Giới	8,12	9,90	Vải lý	93,00	366,20	Khoá luận		
4	235	Nguyễn Đình Đạt	Nam	Mường	Ngọc Lâu, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Vũ Bản	Lạc Sơn	DH	SP Vải lý - Hoa	CQ	DHSP-DHTN	T.Binh	6,59	5,67	Vải lý	60,00	242,57			



Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Họ khẩu		Điện thoại	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo		Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đại học	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	(thi chu
							Xã	huyện													
6	227	Tà Thị Thu Hằng	06/12/1989	Nữ	Kinh	Hồng Thái, Kiên Xương, Thái Bình	Bắc Phong	Cao Phong	Cao BB	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Giỏi	8,40	9,80	Vai lý	85,00	352,00	Khoá luận
7	228	Bùi Thị Hoàng	21/07/1989	Nữ	Mường	Tiền Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Dan Chú	Tp Hòa Bình	Dan tộc	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Giỏi	8,01	9,90	Vai lý	80,00	339,10	Khoá luận
8	229	Bùi Thị Ngọc Mai	16/04/1987	Nam	Mường	Tây Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Tây Phong	Cao Phong	Dan tộc	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,14	7,67	Vai lý	40,00	123,93	Bồ thí
9	230	Bùi Thị Ngọc Mai	18/01/1988	Nam	Mường	Văn Ngĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ấn Ngĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	5,88	5,67	Vai lý	98,00	311,47	Bồ thí
10	241	Trần Hoàng	14/02/1986	Nam	Kinh	Văn Minh, Thanh Thủy, Phú Thọ	Tả Lài	Tả Lài		DH	SP Văn lý	CQ	DHSP ĐHTN		Khá	7,86	8,00	Vai lý	90,00	338,60	Bồ thí
11	242	Hoàng Kiều A Bình	04/01/1990	Nữ	Kinh	Phù Kim, Thanh Thái, Hà Nội	TT Lương Sơn	Lương Sơn	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Tây Bắc		Giỏi	7,86	8,00	Vai lý	90,00	282,30	Khoá luận
12	243	Ngô Thị Ngân	29/01/1990	Nữ	Kinh	Thanh Ngự, Thanh Liệt, Hà Nam	Trưng bị	Kim Bôi	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Giỏi	8,33	9,90	Vai lý	50,00	242,23	Khoá luận
13	244	Nguyễn Thuý Phương	23/04/1986	Nữ	Kinh	Cao Đức, gia Bình, Bắc Ninh	Thanh Hóa	Tam Lài	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	5,89	6,33	Vai lý	60,00	270,20	Khoá luận
14	245	Nguyễn Thị Phương	15/02/1990	Nữ	Kinh	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Bô	Cao Phong	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Giỏi	8,12	9,90	Vai lý	85,00	349,10	Khoá luận
15	246	Nguyễn Thị Thanh	20/11/1990	Nữ	Kinh	Đoan Hà, Thanh Thủy, Phú Thọ	TT Cao Phong	Cao Phong	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	8,01	9,90	Vai lý	40,00	235,60	Khoá luận
16	247	Bùi Văn Thành	19/04/1987	Nam	Mường	Lạc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình	Lạc Lương	Yên Thủy	Con TB-DT	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,89	8,33	Vai lý	75,00	302,23	Bồ thí
17	248	Đương Trần Thọ	30/08/1988	Nam	Kinh	Nhan Ngĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Yên Bông	Lạc Sơn	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,33	8,00	Vai lý	96,00	345,30	Khoá luận
18	249	Bùi Thị Thuận	21/01/1990	Nữ	Mường	Hợp Kim, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi	Dan tộc	DH	CN Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,87	9,90	Vai lý	65,00	307,70	Khoá luận
19	250	Phạm Ngọc Thu	12/08/1990	Nữ	Kinh	Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Phạm Kim	Cao Phong	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,83	8,67	Vai lý	73,00	310,97	Bồ thí
20	251	Bùi Thị Thu	05/09/1988	Nữ	Mường	Hợp Thành, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Hợp Thành	Kỳ Sơn	Dan tộc	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	5,97	6,00	Vai lý	92,00	303,70	Bồ thí
21	252	Hà Việt Trung	12/01/1986	Nam	Mường	Phong Lam, Lạc Sơn, Hòa Bình	Phong Lam	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,10	7,83	Vai lý	80,00	299,33	Bồ thí
22	253	Nguyễn Thanh Trùng	06/05/1987	Nam	Kinh	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TT Cao Bân	Lạc Sơn	Cao TB	DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Tây Bắc		Giỏi	8,23	8,33	Vai lý	91,00	347,63	Bồ thí
23	254	Lưu Văn Trùng	26/09/1989	Nam	Kinh	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	Hà Bì	Kim Bôi		DH	SP Văn lý	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,31	8,67	Vai lý	85,00	320,77	Bồ thí
24	255	Nguyễn Minh Xuân	10/04/1986	Nam	Kinh	Độc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	Bình Thanh	Cao Phong		DH	SP Văn lý	CQ	DHSP ĐHTN								
25	256	Phạm Thái Xuân	24/12/1989	Nữ	Kinh					DH											
Môn Hoá học																					
1	257	Quách Văn Anh	08/07/1989	Nam	Mường	Đa Phúc, Yên Thủy, Hòa Bình	Đa Phúc	Yên Thủy	Dan tộc	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,36	7,67	Hoá học	72,00	294,27	Bồ thí
2	258	Đinh Công Bội	02/08/1987	Nam	Mường	Hợp Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Đông	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		T.Bình	6,86	7,33	Hoá học	53,00	247,93	Bồ thí
3	259	Bùi Văn Ba	20/09/1987	Nam	Kinh	Yên Ngĩa, Yên, Nam Định	Bắc Hưu	Yên Thủy	DH	DH	CN Hoá học	CQ	DH ĐL Lai		Khá	6,80	6,80	Hoá học		156,00	Khoá luận
4	260	Vũ Thị Khánh Chi	23/01/1990	Nữ	Kinh	Hà Lam, Rừng Sơn, Thanh Hóa	Đông Tiến	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		Giỏi	8,03	9,00	Hoá học	88,50	347,30	Bồ thí
5	261	Bùi Thanh Công	05/12/1990	Nam	Mường	Vinh Đông, Kim Bôi, Hòa Bình	Vinh Đông	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,60	8,33	Hoá học	50,50	260,33	Bồ thí
6	262	Nguyễn Thị Thu Cúc	21/12/1989	Nam	Kinh	Từ Bình, Từ Ninh, Nam Định	Xuất Hóa	Lạc Sơn	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,76	6,17	Hoá học	80,50	295,27	Bồ thí
7	263	Mai Ngọc Dương	14/10/1986	Nam	Kinh	Yên Bạch, Ngõ Sơn, Thanh Hóa	Phong Lam	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,05	6,17	Hoá học	53,00	214,17	Bồ thí
8	264	Phạm Trung Đào	27/04/1989	Nam	Kinh	Ngõ Ngĩa, Yên Yên, Nam Định	Cổ Ngĩa	Lạc Thủy	Dan tộc	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,36	6,67	Hoá học	53,00	226,27	Bồ thí
9	265	Bùi Văn Đào	03/09/1988	Nam	Mường	Đoang Bô, Kim Bôi, Hòa Bình	Đoang Bô	Kim Bôi	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		T.Bình	6,85	7,33	Hoá học	57,00	255,83	Bồ thí
10	266	Nguyễn Sơn Dũng	20/11/1990	Nam	Kinh	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Vinh Tân	Kim Bôi	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,80	7,33	Hoá học	54,00	249,33	Bồ thí
11	267	Nguyễn Thị Hiền	02/04/1980	Nữ	Kinh	TT Chu Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Chu Nê	Lạc Thủy	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,18	6,33	Hoá học	92,00	309,13	Khoá luận
12	268	Vũ Thị Thu Hiền	11/11/1989	Nữ	Kinh	Liên Minh, Vũ Bân, Nam Định	TT Mường Khén	Tân Lạc	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		Khá	7,43	8,50	Hoá học	88,40	329,30	Khoá luận
13	269	Nguyễn Đức Long	05/11/1988	Nam	Kinh	Hồng Quang, ứng Hòa, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,34	7,50	Hoá học	58,00	254,40	Bồ thí
14	270	Nguyễn Đăng Nhung	08/02/1990	Nữ	Kinh	Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,86	8,00	Hoá học	92,00	342,50	Bồ thí
15	271	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/07/1988	Nữ	Kinh	Kim Bôi, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,86	8,00	Hoá học	92,00	342,50	Bồ thí
16	272	Hoàng Thị Sơn	02/09/1988	Nữ	Kinh	Độc Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	TT Lương Sơn	Lạc Thủy	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,65	7,00	Hoá học	43,00	222,50	Bồ thí
17	273	Lê Thị Phương Thảo	31/12/1989	Nữ	Mường	Khai Phong, Kim Bân, Hà Nam	Phù Thạch	Lạc Sơn	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội 2		T.Bình	6,86	8,00	Hoá học	75,00	298,60	Bồ thí
18	274	Bùi Thị Thu Thảo	14/04/1989	Nữ	Mường	Từ Đà, Lạc Sơn, Hòa Bình	Từ Đà	Lạc Sơn	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,63	8,33	Hoá học	68,00	292,63	Bồ thí
19	275	Hoàng Đức Thuận	28/07/1985	Nam	Kinh	Xuân Hòa, Xuân trường, Nam Định	Mai Hà	Mai Châu	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	7,23	8,50	Hoá học	42,00	207,00	Bồ thí
20	276	Ngô Thị Trang	01/07/1988	Nữ	Kinh	Thanh, Vũ Bân, Nam Hà	Phong Phú	Tân Lạc	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,10	7,25	Hoá học	38,00	233,30	Khoá luận
21	277	Trần Thị Thu Trang	18/05/1989	Nữ	Kinh	Yên Dương, Yên Yên, nam Định	TT Hoàng Trâm	Yên Thủy	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,10	7,25	Hoá học	92,00	327,50	Khoá luận
22	278	Lê Thành Trung	30/10/1989	Nam	Kinh	Xuân Thịnh, Trích Sơn, Thanh Hóa	Dân Chủ	Tp Hòa Bình	DH	DH	SP Hoá học	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,30	6,00	Hoá học	90,00	303,00	Bồ thí
Môn Sinh học																					
1	279	Đương Thị Văn Anh	11/07/1986	Nữ	Kinh	Kỳ Sơn, Từ Kỳ, Hải Dương	Hữu Nghi	Tp Hòa Bình	DH	DH	CN Sinh học	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	8,10	9,40	Sinh học	60,00	295,00	Bồ thí
2	280	Lê Hoàng Anh	11/09/1987	Nam	Mường	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Lương Sơn	Lương Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc		T.Bình	6,68	7,00	Sinh học	55,00	156,80	Bồ thí
3	281	Mai Mai Anh	16/10/1989	Nữ	Kinh	Trúc Tuấn, Trúc Ninh, nam Định	TT Vũ Bân	Lạc Sơn	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội		T.Bình	6,07	6,00	Sinh học	65,00	230,70	Bồ thí
4	282	Bùi Thị Anh	06/03/1988	Nữ	Mường	Từ Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	TT Sơn	Kim Bôi	Con TB-DT	DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc		T.Bình	6,73	6,90	Sinh học	65,00	257,30	Bồ thí
5	283	Bùi Thị Thanh Bình	13/07/1984	Nữ	Kinh	Từ Đông, Chương Mỹ, Hà Nội	Chân Mai	Hòa Bình	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,48	6,33	Sinh học	77,00	282,13	Bồ thí
6	284	Bùi Thị Hồng Bình	16/04/1986	Nữ	Mường	Đo Nhai, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc	Dan tộc	DH	SP Sinh-KTN	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,34	6,33	Sinh học	77,00	280,73	Bồ thí
7	285	Thái Văn Hải	12/07/1985	Nam	Kinh	Nam Cao, Nam Đan, Nghệ An	Bắc Sơn	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,07	6,50	Sinh học	65,00	255,70	Bồ thí
8	286	Bùi Thị Hải	08/07/1989	Nữ	Mường	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DHSP ĐHTN		T.Bình	6,99	7,00	Sinh học	70,00	279,90	Bồ thí
9	287	Bùi Thị Thu Hằng	13/07/1989	Nữ	Mường	An Lạc, Lạc Thủy, Hòa Bình	Chu Nê	Lạc Thủy	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc		Khá	7,12	8,00	Sinh học	91,00	333,20	Bồ thí
10	288	Nguyễn Thị Hằng	04/02/1986	Nữ	Kinh	Phước Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	Hòa Sơn	Lương Sơn	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,20	7,33	Sinh học	97,00	339,30	Bồ thí
11	289	Bùi Thị Hằng	06/08/1990	Nữ	Mường	Yên Ngĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Yên Ngĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc		T.Bình	6,88	7,67	Sinh học	60,00	265,47	Bồ thí
12	290	Lê Trọng Hiệp	10/02/1988	Nam	Kinh	Hưng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Vinh Tân	Kim Bôi	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,18	7,00	Sinh học	80,00	301,80	Bồ thí
13	291	Bùi Thị Thu Hiền	13/12/1988	Nữ	Mường	Thanh Lương, Lương Sơn, Hòa Bình	Tả Sơn	Kim Bôi	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,46	9,00	Sinh học	95,00	354,60	Bồ thí
14	292	Bùi Thị Thu Hiền	29/04/1989	Nữ	Mường	Thương Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thương Cốc	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,33	7,33	Sinh học	77,00	300,63	Bồ thí
15	293	Bùi Thị Thu Hiền	21/05/1987	Nữ	Mường	Lạc Thủy, Yên Thủy, Hòa Bình	An Ngĩa	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc		Khá	7,31	7,00	Sinh học	70,00	284,10	Bồ thí
16	294	Bùi Thị Hiền	04/01/1990	Nữ	Mường	Từ Đà, Lạc Sơn, Hòa Bình	Từ Đà	Lạc Sơn	Dan tộc	DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc		Khá	7,56	8,00	Sinh học	70,00	295,60	Bồ thí
17	295	Trần Thị Huệ	21/11/1989	Nữ	Kinh	Kim Thái, Vũ Bân, Nam Định	Thanh Hải	Tân Lạc	DH	DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II		Khá	7,52	7,50	Sinh học		150,20	Bồ thí
18	296	Nguyễn Quang Huy	11/02/1987	Nam	Kinh	Hòa Nam, ứng Hòa, Hà Nội	Hà Bì	Kim Bôi	Cao TB	DH	SP Sinh-KTN	CQ	DHSP Hà Nội		Khá	7,33	6,30	Sinh học		136,30	Bồ thí

STT	Số	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Điền ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đại học	Điểm tổng kết	Tốt nghiệp	Ghi chú
							Xã	huyện												
297	297	Đoàn Thị Hương	02/10/1990	Nữ	Kinh	Vân Đình, ứng Hòa, Hà Nội	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHGD-ĐHQG HN	Giỏi	8,07	9,70	Sinh học	90,00	357,70	Khoá luận
298	298	Lê Thị Phương	09/09/1990	Nữ	Kinh	Gia Phương, Gia Viên, Ninh Bình	Chi Nê	Lạc Thủy		DH	CN Sinh học	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,20	9,50	Sinh học	50,00	267,00	Khoá luận
299	299	Bùi Thị Ngọc	05/01/1985	Nữ	Mường	Đoàn Nam, Tân Lạc, Hòa Bình	Thường Cúc	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,57	9,00	Sinh học	60,00	285,70	Khoá luận
300	300	Trần Thị Ngọc	30/10/1990	Nam	Kinh	Quang Hùng, Kiên Xương, Thái Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Giỏi	8,31	8,00	Sinh học	60,00	283,10	
301	301	Bùi Xuân	26/06/1988	Nam	Kinh	Văn Mỹ, Yên, Nam Định	Bảo Hào	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,31	6,00	Sinh học		133,10	Bồ thí
302	302	Nguyễn Mạnh Hùng	05/02/1988	Nam	Kinh	Xuan Hong, Xuân Bô, Hòa Bình	Tân Hòa	Kim Bôi		DH	CN Sinh học	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,38	10,00	Sinh học	94,00	173,80	Bồ thí
303	303	Bùi Văn	09/06/1988	Nam	Mường	Đu Sùng, Kim Bôi, Hòa Bình	Bai Sùng	Kim Bôi		DH	SP Sinh học	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,41	8,33	Sinh học	77,50	345,43	
304	304	Nguyễn Thanh	24/04/1987	Nam	Kinh	Yên, Nam Định	Quy Hóa	Tân Lạc		DH	SP Sinh học	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,94	7,17	Sinh học	296,07	296,07	Bồ thí
305	305	Nguyễn Thị	20/09/1989	Nữ	Kinh	Đông Tiến, ứng Hòa, Hà Tây	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,87	7,67	Sinh học	65,00	145,37	Bồ thí
306	306	Trần Thị	08/08/1986	Nữ	Sơn ch	Quy Kỵ, Đình Hòa, Thái Nguyên	Thanh Lạp	Lương Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,86	8,75	Sinh học	286,10	286,10	
307	307	Lê	01/12/1988	Nữ	Thái	Luân Khe, Thuận Xuân, Thanh Hóa	Tân Thành	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,87	7,67	Sinh học	54,00	253,57	
308	308	Bùi Thị	12/10/1988	Nữ	Mường	Quy Hóa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Quy Hóa	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,50	8,00	Sinh học	64,00	283,00	
309	309	Nguyễn Thị Phương	06/10/1990	Nam	Mường	Lưu Văn, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tu Sơn	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,26	8,00	Sinh học	55,00	262,60	
310	310	Bùi Văn	08/10/1990	Nam	Mường	Hương Nhung, Lạc Sơn, Hòa Bình	Liên Vũ	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,31	8,00	Sinh học	64,00	281,10	
311	311	Bùi Thị	04/02/1990	Nữ	Mường	Phan Thị, ứng Hòa, Hà Tây	Hương Nhung	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,17	8,33	Sinh học	30,00	213,05	
312	312	Bùi Thị	09/12/1989	Nữ	Mường	Nam Nhung, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,57	9,80	Sinh học	60,00	293,70	Khoá luận
313	313	Bùi Văn	01/12/1988	Nữ	Mường	Yên Trị, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trị	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,51	7,51	Sinh học	150,20	150,20	Bồ thí
314	314	Nguyễn Thị Bích	03/03/1990	Nữ	Mường	Huân Bàng, Thuận Thái, Hà Nội	Phù Lão	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,37	7,37	Sinh học	70,00	305,40	Tin chi
315	315	Phan Thị Mai	05/02/1988	Nữ	Kinh	Cao Sơn, Đà Bắc, Hòa Bình	Cao Sơn	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	6,69	6,33	Sinh học	50,50	252,07	
316	316	Xa Thị	15/05/1987	Nữ	Tây	Từ Do, Lạc Sơn, Hòa Bình	Từ Do	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,39	7,33	Sinh học	77,50	285,23	
317	317	Bùi Văn	08/11/1990	Nam	Mường	Bình Chấn, Lạc Sơn, Hòa Bình	Phù Lão	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,44	7,67	Sinh học	30,50	252,07	
318	318	Bùi Văn	21/12/1984	Nữ	Nùng	Pha Ngọc, Hà Quảng, Cao Bằng	Danh Hà	Kỳ Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,19	6,83	Sinh học	285,23	285,23	
319	319	Khanh Thị	22/07/1990	Nữ	Mường	Huân Lợi, Yên Thủy, Hòa Bình	Huân Lợi	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,67	10,00	Sinh học	60,00	296,70	Khoá luận
320	320	Đinh Thị Kim	30/06/1990	Nữ	Kinh	Minh Đức, Mỹ Hòa, Hưng Yên	Huân Thái	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,74	10,00	Sinh học	55,00	287,40	Khoá luận
321	321	Đoàn Thị Thu	28/08/1990	Nữ	Mường	Đoàng Bắc, Kim Bôi, Hòa Bình	Đoàng Bắc	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,02	8,33	Sinh học	153,53	153,53	Bồ thí
322	322	Bùi Thị Ngọc	21/11/1990	Nữ	Mường	Tu Nê, Tân Lạc, Hòa Bình	Tu Nê	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Tây Bắc	Khá	7,33	7,33	Sinh học	52,00	250,63	
323	323	Nguyễn Thị Thu	10/12/1988	Nữ	Kinh	Quỳnh Hồng, Quỳnh Phú, Thái Bình	Huân Núi	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,59	5,83	Sinh học	92,00	308,23	
324	324	Phạm Thu	10/10/1989	Nữ	Kinh	Phượng Chung, Thanh coi, Hà Nội	TT Đà Bắc	Đà Bắc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,11	6,83	Sinh học	57,00	243,43	
325	325	Nguyễn Anh	26/09/1989	Nam	Kinh	Tĩnh Hòa, Tĩnh Sơn, Quảng Ngãi	Tân Hòa	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,19	6,00	Sinh học	65,00	251,90	
326	326	Bùi Thị Khanh	18/04/1989	Nữ	Kinh	Nghĩa Hưng, Gia Lạc, Hà Dương	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,81	7,81	Sinh học	71,00	298,20	Tin chi
327	327	Nguyễn Mai	02/11/1990	Nữ	Kinh	Hồng Thái, Kiên Xương, Thái Bình	TT Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	8,00	7,95	Sinh học	150,50	150,50	Bồ thí
328	328	Nguyễn Mai	13/08/1989	Nữ	Mường	Tân Hòa, Tp Hòa Bình, Hòa Bình	Tân Hòa	Tp Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,56	7,25	Tiếng Anh	40,00	228,10	
329	329	Bùi Thị	12/12/1987	Nam	Mường	Kim Tiến, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Tiến	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	8,40	9,20	Tiếng Anh	176,00	176,00	Bồ thí
330	330	Nguyễn Thủy	16/07/1984	Nữ	Kinh	Lý Nhân, Hà Nam	Huân Núi	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,50	7,33	Tiếng Anh	148,33	148,33	Bồ thí
331	331	Nguyễn Thị Thanh	17/10/1988	Nữ	Kinh	Yên Thành, Yên, Nam Định	Yên Thành	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,02	7,75	Tiếng Anh	71,00	289,70	
332	332	Trần Thị Thu	04/08/1986	Nữ	Kinh	Lạc Thanh, Yên Thủy, Hòa Bình	Áo Bình	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,85	7,00	Tiếng Anh	50,00	238,50	
333	333	Lê Thị Bích	20/09/1986	Nữ	Kinh	Cự Khôn, Gia Lâm, Hà Nội	Lâm Sơn	Lương Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,33	7,67	Tiếng Anh	77,00	303,97	
334	334	Phạm Thị	09/01/1988	Nữ	Mường	Yên Đông, Yên Oai, Hà Nội	Tu Nê	Tân Lạc		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,03	5,00	Tiếng Anh	55,00	110,30	Bồ thí
335	335	Nguyễn Thanh	30/08/1988	Nữ	Kinh	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	Chấn Mãi	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,67	6,67	Tiếng Anh	35,00	243,37	
336	336	Nguyễn Thị Thanh	27/06/1986	Nữ	Mường	Dan Hòa, Kỳ Sơn, Hòa Bình	Dan Hòa	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,30	5,67	Tiếng Anh	60,00	119,70	Bồ thí
337	337	Đinh Thủy	29/06/1983	Nữ	Mường	Vinh Tân, Kim Bôi, Hòa Bình	Kim Bôi	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	8,00	9,00	Tiếng Anh	290,00	290,00	
338	338	Lê Quỳnh	10/10/1987	Nữ	Kinh	Đông Vinh, Đông Sơn, Thanh Hóa	Thanh Hà	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,17	7,33	Tiếng Anh	92,00	329,03	
339	339	Lê Hồng	12/04/1980	Nữ	Mường	Hợp Kim, Kim Bôi, Hòa Bình	Hà Bô	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,99	7,00	Tiếng Anh	40,00	237,90	
340	340	Trần Thị	05/03/1988	Nữ	Kinh	Xuan Tân, Xuân Trường, Nam Định	Cô Ngليا	Lạc Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,23	7,23	Tiếng Anh	92,00	304,00	Tin chi
341	341	Vũ Thị Bích	22/04/1988	Nữ	Mường	Yên Lạc, Yên Thủy, Hòa Bình	TT Lăng Trâm	Yên Thủy		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,27	7,00	Tiếng Anh	86,00	316,60	Tin chi
342	342	Nguyễn Lê	12/02/1990	Nữ	Mường	Hợp Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	Đa Bàng	Kim Bôi		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	6,05	6,05	Tiếng Anh	60,00	262,70	
343	343	Nguyễn Lê	18/09/1989	Nữ	Thái	Xam Khe, Mai Châu, Hòa Bình	Xam Khe	Mai Châu		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,73	8,67	Tiếng Anh	91,00	303,00	Tin chi
344	344	Phạm Thị	26/06/1987	Nữ	Kinh	Yên, Nam Định	Phong Phú	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,60	7,60	Tiếng Anh	74,00	311,97	
345	345	Trần Thị Bích	09/10/1988	Nữ	Kinh	An Lễ, Quỳnh Phú, Thái Bình	Tuân Lộ	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,60	7,60	Tiếng Anh	67,00	286,00	Tin chi
346	346	Đinh Thị	19/07/1989	Nữ	Kinh	Tuân Lộ, Tân Lạc, Hòa Bình	Tuân Lộ	TP Hòa Bình		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,91	8,25	Tiếng Anh	52,00	270,60	
347	347	Bùi Thị	22/02/1986	Nữ	Mường	Tân Lập, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tân Lập	Lạc Sơn		DH	SP Sinh	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	8,09	9,30	Công Nghệ	50,00	273,90	
348	348	Ta Thị	25/5/89	Nữ	Kinh	Yên Mỹ, Yên Mô, Ninh Bình	Hợp Thành	Lương Sơn		DH	SP Kỹ thuật CN	CQ	DHSP KT Hưng Yên	Giỏi						
349	349	Vũ Thanh	13/06/1985	Nam	Kinh	Trúc Tiến, Trúc Ninh, Nam Định	Yên Lạc	Yên Thủy		DH	CN Tin	CQ	DH Kinh tế Quốc dân	Khá	7,30	8,00	Tin	54,00	261,00	
350	350	Đinh Công	13/01/1988	Nam	Mường	Địch Giáo, Tân Lạc, Hòa Bình	Địch Giáo	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	6,78	7,33	Tin	141,13	141,13	Bồ thí
351	351	Hoàng Anh	20/01/1990	Nam	Mường	Thường Cúc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ngọc Mỹ	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	6,69	6,33	Tin	130,23	130,23	Bồ thí
352	352	Trần Thị Hồng	20/05/1989	Nữ	Kinh	Yên Thành, Yên, Nam Định	TT Lăng Trâm	Yên Thủy		DH	SP Tin	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,69	8,50	Tin	95,00	351,90	Khoá luận
353	353	Bùi Văn	01/09/1986	Nam	Mường	An Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	TT Lăng Trâm	Lạc Sơn		DH	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,66	8,50	Tin	32,00	226,60	Khoá luận
354	354	Nguyễn Thị Thu	06/03/1988	Nữ	Kinh	Yên Hùng, Yên, Nam Định	TT Lăng Trâm	Yên Thủy		DH	SP Tin	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,93	7,93	Tin	158,60	158,60	Bồ thí
355	355	Hà Công	14/04/1989	Nam	Thái	Chợ Ch�u, Mai Châu, Hòa Bình	Chợ Ch�u	Mai Châu		DH	SP Tin	CQ	DHSP Hà Nội II	Khá	7,23	7,60	Tin	48,00	238,30	



SỞ HO VÀ TÊN																			
SBD	Họ và tên	Ngày, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Hộ khẩu		Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm TB học tập	Điểm TB TN	Ngành Đăng ký	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
GIÁO DỤC																			
8	Nguyễn Thị Lan	08/05/1988	Nữ	Kinh	Chanh Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	Quỳ Hào	Tân Lạc		DH	SP Tin	CQ	DHSP-DH/TH	T. Khá	5,94	5,67	Tin	93,00	116,07	Bổ thí
9	Bà Thị Lan	25/10/1990	Nữ	Thái	Nà Mèo, Mai Châu, Hòa Bình	Nà Mèo	Mai Châu		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,29	8,33	Tin		342,23	
10	Bà Thị Lan	11/07/1987	Nữ	Mường	Chanh Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	Trương Bì	Kim Bôi		Danh tộc	CN CNTT	CQ	DHĐK&CN Hà Nội	TB Khá	6,79	9,00	Tin		157,90	Bổ thí
11	Bà Thị Lan	10/07/1990	Nữ	Mường	Bách Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	Bách Sơn	Kim Bôi		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,45	7,67	Tin		281,17	
12	Bà Thị Lan	05/12/1985	Nữ	Kinh	Mỹ Hòa, Kim Bôi, Hòa Bình	Mỹ Hòa	Kim Bôi		DH	CN Tin	CQ	DH Kinh doanh và CN	TB Khá	6,92	9,10	Tin		210,20	Khoá luận
13	Bà Thị Lan	07/02/1989	Nữ	Mường	Yên Thuang, Ks Sơn, Hòa Bình	Yên Thuang	Cao Phong		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,06	6,67	Tin		207,27	
14	Bà Thị Lan	15/12/1984	Nữ	Kinh	Yên Khánh, Yên Nam, Định	Sơn Thủy	Kim Bôi		DH	Kỹ sư Tin học	CQ	HV BC Yên Ung	TB Khá	6,66	6,00	Tin		212,60	
15	Bà Thị Lan	10/03/1988	Nữ	Mường	Đài Sùng, Kim Bôi, Hòa Bình	Đài Sùng	Kim Bôi		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,02	9,00	Tin		290,20	
16	Bà Thị Lan	13/11/1988	Nữ	Mông	Pà Cò, Mai Châu, Hòa Bình	Pà Cò	Mai Châu		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,53	7,33	Tin		278,63	Bổ thí
17	Bà Thị Lan	29/05/1990	Nữ	Mường	Thương Cốc, Lạc Sơn, Hòa Bình	Thương Cốc	Lạc Sơn		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,33	7,33	Tin		146,63	
18	Bà Thị Lan	18/02/1990	Nữ	Mường	Tu Do, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tu Do	Lạc Sơn		Danh tộc	SP Tin	CQ	DH Tây Bắc	Khá	7,18	7,67	Tin		290,47	
19	Bà Thị Lan	01/05/1987	Nữ	Kinh	Ấn Khánh, Yên Khánh, Ninh Bình	TT Vũ Bản	Lạc Sơn		DH	Kỹ sư CNTT	CQ	DH Thái Nguyên	TB Khá	6,71	7,50	Tin		266,10	Đỗ án
20	Bà Thị Lan	15/06/1985	Nữ	Kinh	Yên Trì, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Trì	Yên Thủy		DH	Kỹ sư CNTT	CQ	HV BC Yên Ung	TB Khá	6,83	6,50	Tin		243,30	
21	Bà Thị Lan	07/09/1984	Nữ	Mường	Hoàng Hoa Thám, Ấn Thi, Lũng Yên	Lũng Sơn	Lũng Sơn		Danh tộc	Tin học QL	CQ	Vườn DH Mai Hạ Nội	TB Khá	6,13	6,21	Tin		275,40	
Môn GDTC-QP																			
1	Bà Ngọc Dương	19/04/1989	Nam	Mường	Sơn Bay, Kim Bôi, Hòa Bình	Sơn Bay	Kim Bôi		Danh tộc	TD/TC-GDQP	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,65	7,50	GD/TC-QP	72,00	205,50	
2	Bà Văn Đức	01/09/1982	Nam	Mường	Ngọc Lưu, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ngọc Lưu	Lạc Sơn		Danh tộc	SP TD/TT	CQ	DHSP-DH/TH	T. Bình	5,96	5,67	GD/TC-QP	43,00	202,27	GD/TC-QP
3	Đinh Thanh Huệ	09/09/1987	Nam	Mường	Tu Lý, Đà Bắc, Hòa Bình	TT Đà Bắc	Đà Bắc		Danh tộc	GD/TC-GDQP	CQ	DH SPT/TT Hà Nội	TB Khá	6,83	6,72	GD/TC-QP	42,00	219,50	GD/TC-QP
4	Nguyễn Văn Huy	09/09/1986	Nam	Mường	Đông Phong, Cao Phong, Hòa Bình	Đông Phong	Cao Phong		Danh tộc	SP TD/TT	CQ	DHSP-DH/TH	TB Khá	6,27	5,67	GD/TC-QP	41,00	201,37	GD/TC-QP
5	Nguyễn Tuấn Phương	07/06/1984	Nam	Kinh	Tức Đông, Trục Ninh, Nam Định	Nhan Nghĩa	Lạc Sơn		Danh tộc	GD/TC-GDQP	CQ	DH SPT/TT Hà Nội	TB Khá	6,62	7,00	GD/TC-QP	88,00	312,20	GD/TC-QP
6	Bùi Văn Thành	08/09/1986	Nam	Mường	Kỳ Phú, Nho Quan, Ninh Bình	Tân Thịnh	TP Hòa Bình		Danh tộc	SP TD/TT	CQ	DHSP-DH/TH	TB Khá	6,52	6,33	GD/TC-QP	70,00	268,53	GD/TC-QP
7	Bùi Thị Vui	17/03/1988	Nữ	Mường	Ấn Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Ấn Nghĩa	Lạc Sơn		Danh tộc	GD/TC-GDQP	CQ	DH SPT/TT Hà Nội	Khá	7,92	8,16	GD/TC-QP	75,00	310,80	GD/TC-QP
Giáo dục công dân																			
1	Nguyễn Mạnh Cường	23/02/1987	Nam	Mường	Điền Ngoc, Diên Châu, Ngã An	Trương Minh	TP Hòa Bình		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	T. Bình	5,90	6,33	GD/CD	50,00	222,33	
2	Đinh Thị Duan	19/03/1988	Nữ	Mường	Tuân Lạc, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Mường Khén	Tân Lạc		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,14	9,00	GD/CD	70,00	301,40	Bổ thí
3	Phạm Thủy Duan	01/02/1989	Nữ	Kinh	Mai Hạ, Mai Châu, Hòa Bình	Mai Hạ	Mai Châu		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,98	9,25	GD/CD	90,00	172,30	Bổ thí
4	Quách Thị Doyen	10/06/1987	Nữ	Kinh	Lạc Văn, Nho Quan, Ninh Bình	Trương Hối	Tân Lạc		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	TB Khá	7,74	9,00	GD/CD	90,00	267,00	Khoá luận
5	Bùi Thị Thu Hằng	07/08/1988	Nữ	Mường	Trùng Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Trùng Sơn	Lương Sơn		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	TB Khá	6,95	7,75	GD/CD	60,00	267,00	Khoá luận
6	Đinh Thị Thu Hằng	24/10/1990	Nữ	Kinh	Hồng Quang, Ngã Hòa, Hà Nội	Quỳ Hào	Tân Lạc		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,13	8,75	GD/CD	40,00	238,80	
7	Nhà Hạng Hiền	01/12/1989	Nữ	Kinh	Tân Hùng, Thanh Oai, Hà Nội	Chanh Mát	TP Hòa Bình		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,79	9,25	GD/CD	50,00	270,40	
8	Nguyễn Thị Hiền	24/07/1988	Nữ	Kinh	Thanh Lâm, Hà Nam	Văn Trì	Văn Thủy		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,62	9,50	GD/CD	70,00	311,20	Khoá luận
9	Hoàng Thị Hoa	08/04/1990	Nữ	Kinh	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	Thanh Hà	Lạc Thủy		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,91	10,00	GD/CD	95,00	179,10	Bổ thí
10	Nguyễn Thị Hợp Hoa	12/09/1901	Nữ	Mường	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	Thanh Lương	Lương Sơn		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,64	8,75	GD/CD	95,00	353,90	
11	Vương Thị Hòa	21/03/1989	Nữ	Kinh	Lạc Thịnh, Yên Thủy, Hòa Bình	Lạc Thịnh	Yên Thủy		Danh tộc	GD/CD - QP	CQ	DHSP Hà Nội 2	Gỏi	8,06	10,60	GD/CD	90,00	360,60	Khoá luận
12	Nguyễn Thị Huyền	03/03/1988	Nữ	Mường	Yên Tr, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Tr	Lương Sơn		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,29	9,50	GD/CD	90,00	276,60	Khoá luận
13	Nguyễn Thị Nhung	12/07/1988	Nữ	Mường	Ngã Lương, Tân Lạc, Hòa Bình	TT Lương Sơn	Lương Sơn		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,47	8,00	GD/CD	60,00	347,90	Khoá luận
14	Bùi Thị Phương	08/11/1988	Nữ	Mường	Mãn Đức, Tân Lạc, Hòa Bình	Yên Tr	Tân Lạc		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,60	7,60	GD/CD	70,00	292,00	Tin chỉ
15	Quách Thị Phong	20/08/1987	Nữ	Mường	Yên Tr, Yên Thủy, Hòa Bình	Yên Tr	Yên Thủy		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,55	8,75	GD/CD	75,00	313,00	Khoá luận
16	Nguyễn Thị Quỳnh	11/03/1989	Nữ	Mường	Xuất Hòa, Lạc Sơn, Hòa Bình	Tu Lý	Đà Bắc		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	8,19	10,00	GD/CD	60,00	301,90	Khoá luận
17	Xa Thị Thoa	04/10/1984	Nữ	Mường	Tu Lý, Đà Bắc, Hòa Bình	Thanh Lương	Lương Sơn		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,83	10,00	GD/CD	65,00	308,30	Khoá luận
18	Bach Thị Thu	24/11/1990	Nữ	Mường	Thanh Lương, Lương Sơn, Hòa Bình	TT Mai Châu	Mai Châu		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,62	9,00	GD/CD	55,00	166,20	Bổ thí
19	Tăng Minh Tú	20/04/1988	Nữ	Kinh	Quỳnh Lưu, Nho Quan, Ninh Bình	TT Bô	Kim Bôi		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,62	9,00	GD/CD	55,00	166,20	Bổ thí
20	Bùi Thu Trang	17/03/1986	Nữ	Mường	Lạc Lương, Yên Thủy, Hòa Bình	Hợp Kim	Kim Bôi		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,38	8,75	GD/CD	50,00	235,60	
21	Nguyễn Thị Trang	15/07/1988	Nữ	Kinh	An Bình, Thuận Thành, Bắc Ninh	Thịnh Lương	TP Hòa Bình		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP-DH/TH	Khá	7,38	8,75	GD/CD	50,00	261,30	
22	Nguyễn Thị Vân	22/12/1980	Nữ	Mường	Thanh Lương, TP Hòa Bình, Hòa Bình	Thịnh Lương	TP Hòa Bình		Danh tộc	SP GD/CD	CQ	DHSP Hà Nội 2	Khá	7,38	8,75	GD/CD	50,00	261,30	